

NGHIÊN CỨU VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ TRÁCH NHIỆM CÙNG CHIA SẺ VÌ XÃ HỘI BỀN VỮNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI ĐẠI NHÀ TRẦN VỚI “HÀO KHÍ ĐÔNG A” VÀ THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH VỚI TUYÊN NGÔN “KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO”

Đào Văn Trường*

1. MỞ ĐẦU

Trải qua hơn hai nghìn năm hình thành và phát triển; với tư tưởng nhân văn “từ, bi, hỷ, xả”, “vô ngã, vị tha”, thương yêu, cứu vớt chúng sinh khỏi trầm luân đau khổ... Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục có những cống to lớn, tác động sâu sắc tới tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngay từ khi được truyền bá vào Việt Nam khoảng thế kỷ thứ II, thứ III trước công nguyên đến nay, Phật giáo đã ăn sâu, bám rễ, hòa quyện cùng với văn hóa bản địa và tín ngưỡng dân gian của người Việt, trở thành một phần không thể thiếu trong việc định hình bản sắc văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ và cốt cách Việt Nam. Với tư tưởng “nhập thế”, “Hộ quốc an dân”, tinh thần “Đại hùng, đại trí, đại lực, đại từ bi”, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trong những thời khắc quan trọng nhất của lịch sử, thể hiện sứ mệnh lịch sử của Phật giáo trong vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì một xã hội bền vững. Đặc biệt,

*. ThS., Trường Đại học Tây Bắc, Việt Nam.

nó được kết tinh và tỏa sáng trong thời đại nhà Trần với “Hào khí Đông A” ngút trời với tiếng gọi của hồn thiêng sông núi làm lên kỳ tích 3 lần đại thắng quân Mông - Nguyên (một trong những đế chế hùng mạnh nhất thế giới thời trung đại, đang reo rắc nỗi sợ hãi kinh hoàng mang tên Tákta cho toàn nhân loại “*Nỗi sợ hãi trước quân dã man lan tận các xứ xa xôi, không những ở Pháp mà ở Buốc gông và Tây Ban Nha, là những nơi mà từ trước tới nay chưa hề biết đến cái tên Tác-ta*” [5, tr.214].) và thời đại Hồ Chí Minh với tuyên ngôn “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, dân tộc Việt Nam anh hùng đã anh dũng chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ (những cường quốc hàng đầu của thế giới hiện đại) làm lên chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” và đại thắng mùa xuân (1975) đẩy kiêu hãnh góp phần quan trọng vào việc viết lại lịch sử thế giới hiện đại. Do đó, bài viết này tập trung nghiên cứu, làm rõ vị trí, vai trò và những đóng góp to lớn của Phật giáo Việt Nam trong vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì một xã hội bền vững ở hai thời kỳ vàng son của lịch sử dân tộc và thời đại là hết sức cần thiết và có ý nghĩa vô cùng to lớn.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo Việt Nam thời Trần

Do vị trí địa lý đặc biệt, nằm ở trung tâm của bán đảo Đông Dương, trên con đường thương mại biển quốc tế, Việt Nam là nơi giao thoa, hội tụ, tiếp biến và lan tỏa tinh hoa của nhiều nền văn hóa, văn minh lớn trên thế giới trải dài từ Đông sang Tây (với phương Đông, không thể không nhắc đến hai trung tâm văn minh lớn của nhân loại là Trung Quốc và Ấn Độ; với phương Tây là Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, đặc biệt là sự hiện diện của văn hóa, văn minh của hai siêu cường là Pháp và Mỹ sau này). Vì vậy, Việt Nam là mảnh đất màu mỡ, điểm đến lý tưởng, hấp dẫn của nhiều nền văn hóa, văn minh và tôn giáo lớn trên thế giới, trong đó không thể không nhắc tới đạo Phật. Ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, Luy Lâu (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam) đã trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn không chỉ của Đại Việt (Việt Nam) mà còn của khu vực Đông Á khi đó cùng với hai trung tâm Phật giáo khác là Bành Thành và Lạc Dương (Trung

Quốc). Trong đó, trung tâm Luy Lâu là lớn nhất. Điều này được minh chứng trong tác phẩm *Thiên Uyển Tập Anh*, khi đề cập đến cuộc đàm thoại giữa Quốc sư Thông Biện (hay Trí Không thiền sư) với hoàng thái hậu Ý Lan (tức Linh Nhân Hoàng thái hậu, mẹ của Hoàng đế Lý Nhân Tông) về quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo Đại Việt, đã dẫn lời của Thiền sư Đàm Thiên trình lên vua Tùy Cao Tổ (Trung Hoa) về sự phát triển của Phật giáo tại Giao Châu, Luy Lâu như sau: “*Một phương Giao Châu, đường thông Thiên Trúc, Phật pháp lúc mới tới, thì Giang Đông chưa có, mà Luy Lâu lại dựng chùa hơn hai mươi ngôi, độ Tăng hơn 500 người, dịch kinh 15 quyển.*”¹

Từ khi được truyền bá vào Việt Nam, với tư tưởng “*từ bi hỷ xả*”, “*vô ngã vị tha*” thương yêu cứu vớt chúng sinh, Phật giáo đã nhanh chóng hòa nhập vào dòng chảy văn hóa, tín ngưỡng bản địa của người Việt. Đó là tín ngưỡng “*đa thần*”, “*vạn vật hữu linh*” (tức vạn vật đều có linh hồn); đặc biệt là những vị thần có năng lực siêu nhiên, ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất nông nghiệp của người Việt như thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp và tín ngưỡng thờ “*Mẫu*” - tức mẹ thiên nhiên sáng tạo ra muôn loài như: Mẫu Thượng Thiên (cai quản vùng trời), Mẫu Thượng Ngàn (cai quản vùng đất), Mẫu Thoải (hay Mẫu Thủy cai quản vùng nước) tồn tại trước đó trong tâm thức của người Việt để hình thành lên một dòng phái Phật giáo bản địa mang sắc thái riêng của người Việt với hệ thống thờ thần “*tứ Pháp*” gồm Pháp Vân (hay chùa Bà Dâu - tức thần mây), Pháp Vũ (hay chùa Bà Đậu - tức thần mưa), Pháp Lôi (hay chùa Bà Tướng - tức thần sấm), Pháp Điện (hay chùa Bà Dàn - tức thần chớp). Lúc này, trong tâm thức của người Việt “*Phật*” được gọi là “*Bụt*” một vị thần linh rất gần gũi, nhân từ và thân thương đối với người Việt, luôn có mặt trong những lúc khó khăn, tai ương, hoạn nạn, là biểu tượng của tình yêu thương và lẽ công bằng luôn cứu giúp những người lương thiện và trừng trị những kẻ gian ác. Đây chính là sản phẩm của quá trình Phật giáo hóa tín ngưỡng văn hóa bản địa và bản địa hóa Phật giáo để đạo Phật chính thức trở thành một phần không thể thiếu trong dòng chảy của lịch sử dân tộc.

Cứ như thế, Phật giáo dần khẳng định vị trí và vai trò “*nhập thế*”,

1. <https://thuvienhoasen.org/a14152/lich-su-phat-giao-viet-nam-phan-i-thich-tam-hai>

“*hộ quốc an dân*”, lãnh đạo và chia sẻ cùng với dân tộc Việt Nam trong những bước thăng trầm của lịch sử. Đặc biệt là trong thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ của các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê; nhất là Triều đại nhà Lý (khi lần đầu tiên Phật giáo trở thành quốc giáo gắn liền với tên tuổi của Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn - vị vua sáng lập vương triều Lý) và tiếp tục được hoàn thiện, bồi đắp lên một tầm cao mới trong thời đại nhà Trần với “*Hào khí Đông A*” bất diệt đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình xác lập và phát triển của Phật giáo Việt Nam. Trước khi đi vào tìm hiểu vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì một xã hội bền vững của Phật giáo thời Trần, chúng ta cùng điểm qua một vài nét phác thảo về nhà Trần (hay triều đại nhà Trần) và hào khí Đông A.

Sau hơn 200 năm hình thành và phát triển với những đóng góp quan trọng trong việc định hình chế độ phong kiến độc lập, tự chủ ở Việt Nam, Vương triều Lý đã rơi vào khủng hoảng và suy yếu trầm trọng dưới triều vua Lý Huệ Tông; nguy cơ sụp đổ là không thể tránh khỏi. Và như một sự sắp đặt của lịch sử, dòng họ Trần xuất hiện để lãnh lấy sứ mệnh lịch sử trọng đại này. Vua Lý Huệ Tông đăng cơ trong thời điểm suy tàn của nhà Lý và sự ảnh hưởng của nhà Trần ngày một lớn với một gương mặt mới trên vũ đài chính trị là Trần Thủ Độ (cháu họ của Trần Lý, anh em họ với Trần Tự Khánh, Trần Thừa và Trần Thị Dung) một con người mưu lược và quyết đoán lúc này đang giữ chức Điện tiền chỉ huy sứ. Trước sự suy yếu của nhà Lý, Trần Thủ Độ và dòng họ Trần từng bước kiểm soát quyền lực chính trị thông qua việc ép vua Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái thứ hai là công chúa Chiêu Thánh - tức Lý Chiêu Hoàng (Nữ hoàng đế đầu tiên và duy nhất trong lịch sử Việt Nam), rồi tự mình lui về làm Thái thượng hoàng vào năm 1225; sau đó xuống tóc đi tu tại chùa Chân Giáo. Trong năm 1226, dưới sự dàn xếp và điều khiển của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng chính thức nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh đánh dấu sự thay thế và chuyển giao quyền lực từ nhà Lý sang nhà Trần sau 216 năm tồn tại thịnh suy cùng dân tộc. Cuộc chuyển giao diễn ra trong hòa bình không có sự đổ máu, phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử. Dường như trong cuộc chuyển giao đó, những tư tưởng của đạo Phật về “*vô thường*”, “*nhân quả*”, “*sinh diệt*”, “*duyên khởi*”... cũng có những ảnh hưởng nhất định, đặc biệt là triều đại nhà Lý khi đạo Phật được coi là quốc

giáo. Từ đây, nhà Trần đã lãnh lấy sứ mệnh mà lịch sử giao phó là viết tiếp những trang sử vẻ vang hào hùng của Phật giáo và dân tộc.

“*Hào khí Đông A*” là hào khí đời Trần, do chữ Trần gồm bộ A và chữ Đông hợp thành. Đó là tinh thần yêu nước mãnh liệt, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức về khát vọng độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; dám đánh và quyết đánh bại mọi thế lực ngoại bang để bảo vệ giang sơn xã tắc Đại Việt. Và làm lên hào khí bất diệt đó không thể không nhắc tới vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì một xã hội hòa bình, thịnh trị của Phật giáo.

Có thể khẳng định, hiếm có triều đại hay thời kỳ nào mà Phật giáo lại được coi trọng, phát triển rực rỡ và có những đóng góp to lớn cho lịch sử dân tộc như thời Trần. Vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo đã hòa trong hơi thở, nhịp sống, dòng chảy của thời đại và lịch sử dân tộc, được biểu hiện sinh động qua nhiều góc độ khác nhau.

Thứ nhất, với tinh thần Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian, Phật giáo đã tham gia tích cực vào đời sống chính trị, tạo ra một sự kết hợp độc đáo và sáng tạo trong thời đại nhà Trần. Đó là chính trị hóa Phật giáo hay Phật giáo hóa chính trị, Phật giáo đã có những tác động rất lớn đến nhận thức và tầm nhìn của những chính trị gia - tức những vị vua đứng đầu lãnh đạo đất nước khi đó như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông... thông qua một số thiền sư - giới trí thức tinh hoa của dân tộc khi đó như: Thiền sư Viên Chứng, Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung, Pháp Loa tôn giả Đồng Kiên Cương, Huyền Quang tôn giả Lý Đạo Tái...

Trường hợp đầu tiên là sự kết tinh và hội tụ ở vua Trần Thánh Tông - Vị vua sáng lập vương Triều Trần - một triều đại rực rỡ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Do hấp thu những tinh hoa trong giáo lý nhà Phật mà vua Trần Thánh Tông muốn noi gương thái tử Tất-đạt-đa (tức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni - Người đã quyết tâm từ bỏ ngai vàng, quyền lực, địa vị xã hội, vinh hoa phú quý rời xa trần thế để tu thiền, học đạo tìm ra con đường giải thoát cho chúng sinh) đã từ bỏ tất cả tìm đến núi Yên Tử (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) tu thiền, học đạo theo ánh sáng của Phật Pháp. Nhưng duyên trời đã định, trên con đường tìm kiếm câu trả lời “*Phật ở đâu?*”, “*Phật có trên núi hay không?*” vị vua trẻ tuổi đã gặp Quốc Sư, Thiền sư Viên

Chúng - một trí thức Phật học xuất sắc của thời kỳ này. Và câu trả lời mà vua Trần Thái Tông tìm kiếm đã được thiền sư luận giải một cách thấu đáo rằng: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay nếu bệ hạ giác ngộ điều đó thì lập tức thành Phật, không cần khổ công tìm kiếm bên ngoài”* [8, tr.25]. Mặt khác, Quốc sư Viên Chứng muốn gửi đến nhà vua một thông điệp hết sức nhân văn trong giáo lý của nhà Phật là đại hùng, đại lực, đại trí, đại từ, đại bi mà bậc quân vương đứng đầu thiên hạ phải có trách nhiệm với thân dân trăm họ *“Phàm là bậc nhân quân phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình”* [8, tr.25]. Chính cuộc gặp gỡ lịch sử định mệnh này đã thay đổi sâu sắc nhãn quan chính trị của vị vua sáng lập cơ nghiệp nhà Trần. Từ đây, Trần Thái Tông không ngừng tu học Phật Pháp, hoàn thành sứ mệnh lịch sử lãnh đạo, quản trị quốc gia, xây dựng và phát triển giang sơn Đại Việt ngày một hùng cường ở khu vực Đông Á.

Trường hợp tiếp theo là ở đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông (Người được coi như đức Phật Thích Ca của Việt Nam) không thể không nhắc tới thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ - một trí thức uyên thâm về Phật học, là thầy giáo của đức vua Trần Nhân Tông. Dưới sự dậy dỗ trực tiếp của thiền sư, cùng với sự nỗ lực cố gắng của bản thân, Người đã phát triển sáng tạo học thuyết Phật giáo tại Việt Nam, khai sinh ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử (hay dòng thiền Nhất Tông) trên cơ sở thống nhất của 3 thiền phái trước đó là: Tỳ Ni Đa Nu Chi (thế kỷ thứ VI), Vô Ngôn Thông (thế kỷ thứ IX) và dòng thiền Thảo Đường (thời nhà Lý) với một vị giáo chủ duy nhất chính là Trúc Lâm Đại Đầu Đà - tức đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông mang đậm bản sắc và phong cách Phật giáo Việt Nam. Ở Trần Nhân Tông là sự hội tụ những gì tốt đẹp nhất cho tinh hoa văn hóa dân tộc, cho Phật pháp, là sự kết hợp hoàn hảo giữa đạo và đời, chính trị và Phật giáo, đạo pháp và dân tộc. Trần Nhân Tông đã hoàn thành suất sắc trách nhiệm mà thời đại và dân tộc giao phó là thống nhất được cả vương quyền lẫn thần quyền. Trên cương vị của người đứng đầu lãnh đạo đất nước - tức lãnh tụ tinh thần tối cao của quốc gia, dân tộc và giáo chủ - tức lãnh tụ của Phật giáo Đại Việt. Người đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc làm lên kỳ tích 2 lần đại thắng quân Mông

- Nguyên và phát triển thiên phái Trúc Lâm Yên Tử trở thành biểu tượng của Phật giáo Việt Nam. Trong tâm thức của người dân Việt Nam, Trần Nhân Tông là vị vua anh minh, uy vũ nhưng đồng thời cũng là một vị Phật đầy tôn kính với danh hiệu Phật Biến Chiếu Tôn, Phật Hoàng Trần Nhân Tông hay Điều Ngũ Giác Hoàng Trần Nhân Tông.

Thứ hai, dưới ánh sáng của Phật pháp, nhân dân cả nước từ vua quan, tướng lĩnh, giới trí thức cho đến tầng lớp bình dân và nô tỳ đều mộ đạo như nhận xét của nhà nho Lê Quát vào giữa thế kỷ XIV “Nhà Phật lấy họa phúc để cảm động lòng người, sao mà được người tin theo lâu bền như thế! Trên từ vương công, dưới đến dân thường, hễ bố thí vào việc nhà Phật dù đến hết tiền của cũng không xén tiếc... chỗ nào có người ở tất có chùa Phật” [5, tr.259]. Ánh sáng của Phật pháp lan tỏa khắp cả nước, nhân dân ra sức nghiên cứu, học tập, truyền bá và phát triển sáng tạo học thuyết Phật giáo tại Việt Nam. Trong đó, quan điểm “Phật tại tâm” được giới trí thức và các tầng lớp nhân dân khi đó nhiệt thành hưởng ứng. Theo đó, Phật không ở đâu xa xôi mà gần gũi ngay trong mỗi con người chúng ta, có tâm tức là có Phật, Phật ở trong tâm mỗi con người, tức trong mỗi chúng sinh đều có “Phật tánh”, dù là vua quan, đại thần, thừa tướng hay quốc sư, cư sĩ cho đến người dân bình thường đều có thể thành Phật. Điều này được thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ luận giải một cách thấu đáo trong bài “Phật tâm ca” như sau: “Phật không thể biến được. Tâm không thể nói được. Tâm sinh thì Phật cũng sinh. Phật diệt ắt tâm cũng mất. Không đâu tâm diệt mà còn Phật. Chẳng lúc nào Phật diệt mà còn tâm” [5, tr, 260]. Tư tưởng cốt lõi ở đây là sự gắn kết chặt chẽ giữa hai phạm trù “Tâm” và “Phật”, lấy “tâm truyền tâm”, trong đó “Phật ở trong lòng” là hạt nhân, là chân Phật. Đó là quan điểm “Hòa quang đồng trần” hay “Cư Trần Lạc Đạo” (có nghĩa là ở đời vui với Đạo) mà đức vua, Phật hoàng Trần Nhân Tông đề cập tới. Theo đó, đã là người tu học nơi cửa Phật thì phải đem đức tuệ, ánh sáng của Phật pháp đến với chúng sinh nơi trần thế, hoàn thành trách nhiệm với cuộc đời này. Đó là trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội, quốc gia, dân tộc và đạo pháp. Nếu bỏ lại tất cả trách nhiệm để đóng cửa tu thiền thì dù có đắc đạo, thành Phật cũng không có nghĩa lý gì với cuộc đời như trong bài phú “Cư Trần Lạc Đạo”, Người viết:

*“Ở đời tu đạo hãy tùy duyên.
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền.
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm.
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên”*

Nghĩa là đã là người tu thiền Phật pháp trong cuộc đời phải tuân thủ theo quy luật “*duyên khởi*” mà đức Phật đã dạy, sống ở trần, tu ở trần nhưng không được xa rời trần thế, không được nhiễm tục nơi trần thế mà phải có trách nhiệm dùng ánh sáng của Phật Pháp để giúp bản thân, giang sơn, xã tắc như lời nhận xét của danh sĩ Ngô Thì Nhậm nhận định về tầm nhìn và trách nhiệm lịch sử của đức vua, Phật hoàng Trần Nhân Tông trong tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh: “*Đức ngài lúc bấy giờ xem thiên hạ là công, trong nước vô sự, nhưng ở phía Bắc vẫn có nước láng giềng mạnh mẽ, chưa được yên tâm. Cái ý ấy là không tiện nói rõ, sợ người ta dao động. Cho nên nhằm được ngọn núi Yên Tử là núi cao nhất, phía Đông nhìn về Yên Quảng, phía Bắc liếc sang tỉnh Lạng, dựng lên ngôi chùa, thời thường dạo chơi để xem động tĩnh, cố để ngừa cái mối lo nước ngoài xâm phạm. Thật là một vị Vô Lượng Đại Lực Thế Chí Bồ tát*” [4, tr, 101]. Đó chính là triết lý tư tưởng tùy duyên, tùy tục, “hòa quang đồng trần”. Tư tưởng phá chấp này đã trở thành phương châm, triết lý sống và hành động của vua quan, tướng lĩnh, nhân dân và Phật tử thời Trần; thể hiện rất rõ vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ “đạo pháp đồng hành cùng dân tộc” của Phật giáo thời Trần. Nó là cơ sở và tiền đề cho “Hào khí Đông A” - hào khí nhà Trần tỏa sáng nghìn năm bất diệt.

Thứ ba, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo thời Trần thể hiện sinh động trong “Hào khí Đông A” (tức hào khí nhà Trần) - nguồn sức mạnh vô song nhấn chìm tất cả bè lũ cướp nước và bán nước, thể hiện sức mạnh, trí tuệ, bản lĩnh và cốt cách Việt Nam. Đó là sự kết tinh của truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần yêu nước, ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường với một ý chí và quyết tâm sắt đá là dám đánh và quyết đánh đến cùng; là tinh thần đồng thuận, hòa mục anh em một nhà - cơ sở cho chính sách “Thân dân”; là khát vọng xây dựng giang sơn xã tắc Đại Việt hùng cường bất diệt. Điều này được thể hiện rất rõ trong Hội nghị Diên Hồng - Hội nghị dân chủ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam (do vua Trần Thánh Tông chủ trì năm 1285 nhằm trưng cầu ý kiến của các bô lão trong cả nước về việc có nên đánh quân xâm lược Mông -

Nguyên?) với một ý chí và quyết tâm sắt đá là kiên quyết “Đánh”. Là hai chữ “Sát thát” (giết giặc Thát Đát - tức quân Mông Cổ) được viết trên cánh tay và khẩu hiệu hô vang của quân dân Đại Việt; là hình ảnh “bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết” của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản (khi đó mới 15 tuổi nhưng không được dự Hội nghị Bình Than - Hội nghị quân sự bàn kế đánh giặc lúc đó) thể hiện quyết tâm giết giặc với lá cờ thêu 6 chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân” [5, tr.222]; là Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng với lời thề son sắt “Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”; là Thái sư Trần Thủ Độ với câu trả lời khẳng khái “Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” và Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã”. Đó cũng chính là khát vọng về một giang sơn xã tắc hùng cường, thịnh trị được vị tướng tài ba Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải viết lại trong bài thơ “*Tụng Giá Hoàn Kinh Sư*” như sau:

“Chương Dương cướp giáo giặc.

Hàm Tử bắt quân thù.

Thái Bình nên găng sức.

Non nước ấy ngàn thu”

Trong thời đại nhà Trần, khi đất nước thanh bình, thịnh trị, cả nước từ vua quan, tướng sỹ, cho đến các tầng lớp bình dân đều mộ Phật, ra sức tu thiền học đạo, hoàn thiện bản thân theo giáo lý nhà Phật nhưng khi đất nước đứng trước họa xâm lăng (thời kỳ này là vô ngựa Mông - Nguyên đang hoành hành từ Âu sang Á, một đế chế hùng mạnh nhất thời điểm này đang dày xéo đất nước) với “Hào khí Đông A” bất diệt nhân dân cả nước từ vua quan đến Phật tử và dân thường đều “cởi áo cà sa khoác chiến bào” đoàn kết một lòng trào dâng thành một làn sóng có sức mạnh vô song nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước, bảo vệ từng tấc đất, dòng sông của giang sơn xã tắc. Do đó, nhà Trần đã huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân từ các cụ bô lão trong hội nghị Diên Hồng đến các em bé thiếu niên như anh hùng Trần Quốc Toản; từ các vị thân vương quý tộc thuộc tầng lớp trên như: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tung, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật... cho đến dân thương như: Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái; và hàng nô tỳ như: Yết Kiêu, Dã Tượng...

Thứ tư, dưới ánh sáng của Phật pháp, vua tôi nhà Trần chủ trương hạn chế đến mức thấp nhất và đi đến chấm dứt chiến tranh, kêu gọi hòa giải, hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù, chia rẽ, cố kết nhân tâm, ổn định xã hội, thực hiện chính sách “thân dân” hướng tới xây dựng Đại Việt thành một quốc gia thịnh trị, hùng cường. Thực tế đã chứng minh, khi nhà Nguyên âm mưu gây hấn, kích động chiến tranh, yêu cầu Đại Việt cho mượn đường tấn công Chiêm Thành thì vua tôi nhà Trần khi đó đã kiên quyết từ chối “*Từ nước tôi đến Chiêm Thành, đường thủy, đường bộ đều không tiện cả*”². Và ngay sau khi kết thúc chiến tranh, nhà Trần chủ trương xóa bỏ mọi tội lỗi và tha thứ cho những người đã từng có ý định đầu hàng giặc “*Trước kia, người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua, bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc. Chỉ kẻ nào đã đầu hàng trước đây, thì dẫu bản thân ở triều đình giặc, cũng kết án vắng mặt, xử tội đi đày hoặc tử hình, tịch thu điền sản sung công, tước bỏ quốc tính*” [2, tr.95-97]. Cùng với đó, là miễn giảm tô thuế ở những vùng chiến sự nhằm động viên và khích lệ nhân dân “*Mùa hạ, tháng Tư, đại xá thiên hạ. Những nơi bị binh lửa, cướp phá thì miễn toàn phần tô dịch, các nơi khác thì miễn giảm theo mức độ khác nhau*” [2, tr.92]. Đây chính là biểu hiện sinh động cho tư tưởng “Đại hùng, đại lực, đại trí, đại dũng, đại từ bi” của nhà Phật; sau này được Nguyễn Trãi tổng kết trong tác phẩm *Bình Ngô Đại Cáo* “*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn. Lấy chí nhân để thay cường bạo*”. Cùng với bảo vệ vững chắc nền độc lập, nhà Trần cũng hết sức quan tâm đến xây dựng giang sơn xã tắc, mở rộng cương vực lãnh thổ thông qua con đường ngoại giao hòa bình, tránh đổ máu như trường hợp vua Trần Nhân Tông gả con gái là công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành khi đó là Chế Mân để mở rộng quan hệ bang giao, đồng thời mở rộng cương vực lãnh thổ quốc gia và phạm vi ảnh hưởng của Đại Việt xuống phía Nam khi sáp nhập hai châu là châu Ô và châu Lý thuộc đất Chiêm Thành (nay là một phần tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên Huế) vào lãnh thổ Đại Việt.

Thứ năm, do được hấp thụ những giá trị, tư tưởng nhân văn của Phật giáo, giang sơn, xã tắc Đại Việt thời kỳ này thanh bình, thịnh trị, từ vua quan, binh lính đến các tầng lớp nhân dân đều một lòng

2. <https://thuvienhoasen.org/a10904/nguyen-cuu-tran-nhan-tong-gs-le-manh-that>

hướng về Phật pháp, sống hòa thuận trên dưới, trước sau, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, tự do, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa - xã hội, đưa Đại Việt thành một trong những quốc gia thịnh trị ở khu vực Đông Á thế kỷ XIII như nhận xét của sứ giả nhà Nguyên là Trần Phu “*Phủ Tĩnh Hoa (Thanh Hóa) cách thành Giao Châu (chỉ Thăng Long) 200 dặm. Thuyền bè nước ngoài đến tụ hội ở đây (chỉ cửa Hội Triều) mở chợ ngay trên thuyền. Cảnh buôn bán thật là thịnh vượng*” [6; tr.208]. Dưới thời nhà Trần nền chính trị ổn định, giang sơn xã tắc thái bình, thịnh trị, độc lập, tự lực, tự cường, cương vực lãnh thổ được mở rộng, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia dân tộc được đảm bảo; đời sống nhân dân an vui; hình ảnh và vị thế của Đại Việt được tôn trọng và nâng cao trong khu vực và trên quốc tế. Điều này đã được đức vua, Phật hoàng Trần Nhân Tông tổng kết trong hai câu thơ đọc tại phủ Long Hưng (nay thuộc xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) trong buổi lễ mừng thắng trận của quân dân Đại Việt trước vó ngựa Mông - Nguyên như sau:

“*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã.*

Sơn hà thiên cổ điện kim âu”

Nghĩa là: “*Xã tắc hai phen chôn ngựa đá.*

Giang sơn mãi mãi vững âu vàng”

2.2. Vai trò lãnh đạo và trách nhiệm cùng chia sẻ của Phật giáo Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh

Khái niệm “*Thời đại Hồ Chí Minh*” là tên gọi dùng để phản ánh một thời kỳ mới mang tính cách mạng, có sự chuyển biến về chất trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Sự kiện cách mạng tháng Tám thành công năm 1945 gắn liền với tên tuổi của chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở ra một trang sử mới trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Điều này được PGS-TS Phạm Xuân Hằng - Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội luận giải thấu đáo: “*Những biến đổi chính trị, kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, ngoại giao của đất nước ta từ Cách mạng tháng Tám mới có đầy đủ tư cách là những đặc trưng của một thời đại mới ở Việt Nam. Thời đại ấy gắn liền với tư tưởng và hoạt động thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những đặc trưng ấy đang là tiền đề, là động lực và là mục tiêu phát triển đất*

nước. Đặt tên thời đại ở Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám là Thời đại Hồ Chí Minh, vừa là để khẳng định tư tưởng của Người thực sự đã và đang là ngọn đuốc soi đường cho đất nước phát triển vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vừa là để ghi ơn người con của dân tộc vì chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”³.

Trong thời đại Hồ Chí Minh có một tuyên ngôn đã đi vào huyền thoại của lịch sử thế giới hiện đại. Đó chính là “*không có gì quý hơn độc lập tự do*” mà tác giả chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã dành trọn cuộc đời mình để tranh đấu cho lý tưởng nhân văn cao cả đó. Tư tưởng cốt lõi của chân lý này là sự khẳng định giá trị lớn lao và tầm vóc của sự độc lập, tự do đối với nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân loại trên toàn thế giới nói chung. Đó là tư tưởng, lẽ sống và chân giá trị vĩnh hằng của dân tộc Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đúc kết, khái quát và khẳng định. Và trong công cuộc tranh đấu cho lý tưởng ấy, Phật giáo Việt Nam với vai trò lãnh đạo và trách nhiệm cùng chia sẻ góp phần quan trọng viết lên những trang sử vẻ vang của lịch sử Việt Nam trong thế kỷ XX. Trong đó, không thể không nhắc tới phong trào đấu tranh của Phật giáo tại miền Nam Việt Nam vào đầu những năm 60 (gắn liền với “*Pháp nạn 1963*”) đã có tác động sâu sắc tới lịch sử Việt Nam và thế giới.

Thuật ngữ “*Pháp nạn 1963*” dùng để chỉ phong trào đấu tranh của Phật tử và đồng bào miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống lại sự đàn áp tàn bạo, vô nhân đạo đối với Phật giáo của chính quyền độc tài gia đình trị họ Ngô đứng đầu là Ngô Đình Diệm có sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ thông qua cuộc chiến tranh ủy nhiệm tại miền Nam Việt Nam. Nguyên nhân dẫn đến cuộc Pháp nạn này, có thể được giải thích như sau: được sự hậu thuẫn và tài trợ đặc lực của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách phá hoại, vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (năm 1954); ra sức đàn áp, khủng bố, bắt bớ những thành phần có tư tưởng chống đối, ráo riết thực hiện chính sách “*tổ cộng, diệt cộng*”, thi hành Luật 10/59, lê máy chém khắp miền nam Việt Nam, reo rắc tư tưởng hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Trong bối cảnh đó,

3. <http://www.tuyengiao.vn/Home/tutuong/32396/Thoi-dai-Viet-Nam-mang-ten-Bac-Thoi-dai-Ho-Chi-Minh>

phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân miền Nam diễn ra sôi nổi từ thành thị đến nông thôn chống lại sự hà khắc của chính quyền họ Ngô, tiêu biểu là phong trào “*Đồng khởi*” (1959-1960) cùng với sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam (năm 1960) đã tập hợp được sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân bao gồm các dân tộc, giai cấp, tầng lớp, đảng phái chính trị, tôn giáo (trong đó có Phật giáo) vào cuộc chiến giành lấy độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đã làm cho chính quyền họ Ngô lo lắng. Mặt khác, ngay từ đầu Ngô Đình Diệm đã bị ảnh hưởng và sùng bái đạo Thiên chúa giáo một cách mù quáng, với tham vọng biến Việt Nam từ một quốc gia (đa sắc tộc, đa tôn giáo; trong đó Phật giáo có ảnh hưởng rất sâu đậm) thành một đất nước Công giáo chiếm ưu thế. Để thực hiện tham vọng đó, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thẳng tay dùng xe tăng, súng ống đàn áp, khủng bố, bắt bớ và giết hại giả man đồng bào Phật tử gây lên sự phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là giới tăng ni, Phật tử. Nhiều cuộc biểu tình, thị uy của quần chúng nhân dân, tiêu biểu là giới trí thức, học sinh, sinh viên, tăng ni, Phật tử đã diễn ra để phản đối chính sách tàn bạo, vô nhân đạo của chính quyền Ngô Đình Diệm với các khẩu hiệu như: “Tự do tín ngưỡng”; “Đả đảo những kẻ chống lại tôn giáo”; “Phật giáo bất diệt”. Trong đó, tiêu biểu là cuộc biểu tình của khoảng 400 nhà sư trước trụ sở Quốc hội chính quyền Ngô Đình Diệm (ngày 30-5-1963). Đỉnh điểm là phong trào đấu tranh dưới hình thức bất bạo động bằng hình thức tự thiêu của hòa thượng - Bồ tát Thích Quảng Đức tại trung tâm Sài Gòn (ngày 11-6-1963) đã làm rung động thế giới khi đó. Điều này đã được chính tổng thống Mỹ John Kennedy nhận định khi xem bức ảnh bó đuốc sống - Hòa thượng Thích Quảng Đức đang cháy, ông đã không dấu nổi cảm xúc mà thốt lên: “*Trong lịch sử, chưa có một bức hình nào trên báo đã tạo được nhiều xúc động cùng khắp cả thế giới như bức hình này*”⁴. Đó là chưa kể đến trái tim bất diệt của Bồ tát Thích Quảng Đức (cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Vì sau khi thiêu ở nhiệt độ 4.000⁰C trái tim của hòa thượng vẫn còn vẹn nguyên). Nó sẽ trường tồn theo thời gian cùng dân tộc và thời đại. Sự kiện lịch sử trọng đại này đã đánh dấu

4. http://www.chuabuuchau.com.vn/chuong/-phong-trao-dau-tranh-cua-phat-giao-mien-nam-viet-nam-1963---nhin-tu-ho-so-luu-tru-bo-ngoai-giao-mi-pgs.ts.-truong-van-chung_39263.html

bước phát triển đột phá thể hiện vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ lớn lao của của Phật giáo Việt Nam bởi những lý do sau:

Thứ nhất, nó là sự kế thừa và phát triển sáng tạo truyền thống nhập thế, thể hiện vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo Việt Nam (đặc biệt là tư tưởng nhập thế Phật giáo thời đại nhà Trần với chủ trương đạo pháp đồng hành cùng dân tộc, cởi áo cà sa khoác chiến bào khi đất nước và Tổ quốc bị xâm lăng) trong điều kiện đất nước và thời đại có nhiều thay đổi. Nếu trước đây, kẻ thù truyền thống của Việt Nam là các thế lực phong kiến Trung Hoa thì nay là chủ nghĩa tư bản phương Tây đang trong thời kỳ phát triển hoàng kim, chúng vươn những chiếc vòi bạch tuộc đến tận những hang cùng ngõ hẻm của thế giới để tìm kiếm thị trường và thuộc địa dưới những chiêu bài mị dân, lừa bịp, giả tạo như: “Khai hóa văn minh”, “đồng minh chiến lược” mà thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (những cường quốc của thế giới khi đó) là kẻ thù trực tiếp. Do đó, Phật giáo Việt Nam không những nhập thế mà phải còn nhập thế một cách sáng tạo trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành lấy độc lập, tự do cho đạo pháp và dân tộc. Nếu như trước đây, tinh thần nhập thế, tinh thần đấu tranh, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo hòa chung vào trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là các vương triều phong kiến và các tôn giáo khác thì nay Phật giáo đã thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập, sẵn sàng đứng lên đấu tranh quyết liệt với nhiều hình thức mới mẻ và phong phú như biểu tình, tuyệt thực, diễn thuyết cho đến tự thiêu để phản đối.

Thứ hai, tư tưởng “Đạo pháp đồng hành cùng dân tộc” được phát triển lên một tầm cao mới theo tư tưởng và triết lý thời đại Hồ Chí Minh với quan điểm “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Độc lập, tự do là những giá trị thiêng liêng, là lẽ sống và mục tiêu cao cả của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Và trong công cuộc đấu tranh cho lý tưởng cao cả đó, Phật giáo đã trở thành một trong những ngọn cờ tiên phong, đấu tranh không khoan nhượng, dù cho phải có hy sinh đến đâu “*Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập*” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định và gương hy sinh quên mình của hòa thượng - Bồ tát Thích Quảng Đức là tranh đấu cho độc lập, tự do của chúng sinh, đạo pháp và dân tộc đã thể hiện rất rõ vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo.

Thứ ba, là phạm vi và tầm ảnh hưởng của phong trào. Tuy chỉ là phong trào đấu tranh Phật giáo đơn thuần chống lại chính sách tôn giáo hà khắc, phản động của chính quyền đương nhiệm lúc đó là tập đoàn gia đình trị họ Ngô nhưng cuộc đấu tranh lại có tác động và ảnh hưởng ngoài sức tưởng tượng của giới Phật tử tại miền Nam khi đó. Ở trong nước, nó đã dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị sâu rộng giữa chính quyền họ Ngô và giới chức Mỹ, dẫn đến một hệ quả được dự đoán từ trước là sự ra đi của Ngô Đình Diệm thông qua chiêu bài đảo chính quân sự, thực chất là “thay ngựa giữa dòng” của Mỹ; cùng với đó là một làn sóng đấu tranh của học sinh, sinh viên, thanh niên, trí thức và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong các đô thị miền Nam diễn ra sôi động đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ chính trị tại đây.

Đối với thế giới, nó đã tác động sâu rộng đến đồng bào Phật tử và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới từ các quốc gia có đạo Phật như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Campuchia... cho đến tổ chức Liên Hiệp Quốc phải vào cuộc tiến hành điều tra. Đặc biệt là đối với nước Mỹ, nó đã tác động trực tiếp đến nội tình nước Mỹ, đến chiến lược “chống cộng” toàn cầu của Mỹ, giờ đây người dân Mỹ quan tâm nhiều hơn đến chiến tranh tại Việt Nam nhưng không phải lập trường ủng hộ mà là nghi ngờ, phản đối cuộc chiến do Mỹ tiến hành, tại Lầu Năm Góc Tổng thống Kennedy cho rằng: “*Sự đụng chạm giữa tổng thống Ngô Đình Diệm với Phật giáo đã rất có hại cho công cuộc chống cộng tại miền Nam Việt Nam*”⁵. Và như một sự sắp đặt của lịch sử, ngay sau cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam là sự ra đi của chính Tổng thống Kennedy (còn là điều bí ẩn đối với nước Mỹ và thế giới) vào năm 1963 khiến cho chúng ta không thể không tự đặt câu hỏi về sự màu nhiệm và vi diệu của Phật pháp.

Thứ tư, phong trào đã mở ra một khuynh hướng nhập thế mới, rất hiện đại và tiến bộ thể hiện được vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo trong các vấn đề của dân tộc, đất nước, thời đại và quốc tế. Đó là tinh thần đạo pháp đồng hành cùng dân tộc và quốc tế trong công cuộc tranh đấu cho lý tưởng, lẽ phải, công bằng

5. http://www.chuabuuchau.com.vn/chuong/-phong-trao-dau-tranh-cua-phat-giao-mien-nam-viet-nam-1963---nhin-tu-ho-so-luu-tru-bo-ngoai-giao-mi-pgs.ts.-truong-van-chung_39263.html

vì một xã hội tự do, dân chủ, hòa bình, thịnh vượng, yêu thương, chia sẻ và phát triển bền vững. Chính vì lẽ đó mà cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam đã vượt ra khỏi khuôn khổ của một tôn giáo, lãnh thổ, biên giới quốc gia và khu vực để đến với nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới.

2.3. Một số nhận xét

Qua nghiên cứu, tìm hiểu vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo Việt Nam ở hai thời kỳ lịch sử quan trọng đối với dân tộc Việt Nam và thế giới là thời đại nhà Trần với “*Hào khí Đông A*” và thời đại Hồ Chí Minh với tuyên ngôn “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*” chúng ta có thể rút ra một số nhận xét sau:

Một là, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ vì một xã hội bền vững của Phật giáo Việt Nam là liên tục, xuyên suốt trên cơ sở kế thừa, bảo vệ, không ngừng bổ sung, hoàn thiện và phát triển sáng tạo cho phù hợp với đặc điểm tình hình của đất nước và thời đại mới.

Hai là, tư tưởng nhập thế đạo pháp đồng hành cùng dân tộc là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong lịch sử hình thành và phát triển của lịch sử dân tộc và lịch sử Phật giáo.

Ba là, thực chất “*Hào khí Đông A*” thời Trần và tuyên ngôn “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” thời đại Hồ Chí Minh là ý thức về tinh thần độc lập, tự do, tự chủ, tự lực, tự cường, hòa bình, ổn định, thống nhất và phát triển là những mục tiêu, lý tưởng thiêng liêng, cao cả mà Phật giáo Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung đã, đang và sẽ tiếp tục theo đuổi trong tương lai.

Bốn là, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của mình, góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc, nâng cao vị thế và tầm vóc của Việt Nam trên trường quốc tế với kỳ tích 3 lần đại thắng quân Mông - Nguyên (một đế chế hùng mạnh nhất thời kỳ trung đại) và đế quốc Mỹ (một siêu cường của thế giới hiện đại).

Năm là, những giá trị trong tư tưởng nhập thế thể hiện vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của Phật giáo Việt Nam thời đại nhà Trần, thời đại Hồ Chí Minh nói riêng và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói chung đã, đang và sẽ tiếp tục góp phần quan trọng vào sự phát triển tư tưởng của Phật giáo thế giới.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, trải qua hơn hai nghìn năm đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ của mình, nhất là trong những thời khắc quan trọng của lịch sử dân tộc như thời đại nhà Trần với “hào khí Đông A” và thời đại Hồ Chí Minh với tuyên ngôn “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với tư tưởng nhập thế “hòa quang đồng trần”, “hộ quốc an dân”, “đại hùng, đại lực, đại trí, đại từ bi” Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm chia sẻ trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc và thời đại, góp phần tạo dựng một xã hội tự do, dân chủ, bình đẳng, yêu thương, tôn trọng, hòa bình, ổn định, thịnh vượng, tiến bộ và phát triển bền vững trong hiện tại và tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Lê Cung (2008), *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, NXB Thuận Hóa.
- Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, (2000), Bản in Nội các quan bản, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Tập I, Hà Nội.
- Ngô Thì Nhậm (1979), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2009), *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Tìm Hiểu Xã Hội Việt Nam Thời Lý-Trần* (1980), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Tuệ Trung Thượng Sĩ với *Thiền Tông Việt Nam* (2000), Nxb Đà Nẵng.
- Trần Thái Tông, *Khóa Hư Lục - Thiền Tông Chỉ Nam Tự* - tr. 25 - TVLT II.